

PHÂN TÍCH BÀI THƠ BẾP LỬA CỦA BẰNG VIỆT

1. Phân tích bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt

Hình ảnh người cháu đi lính trở về quê ngoại hồi tưởng lại hình bóng bà lam lũ vất vả trong bài thơ “Đò Lèn” của Nguyễn Duy:

“ bà đi gánh chè xanh Ba Trại

Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn”

Gợi nhắc ta nhớ tới tình cảm bà cháu sâu nặng trong bài thơ “Bếp lửa”. Nhà văn muốn thể hiện lòng kính yêu bà và gia đình, quê hương, đất nước.

Dòng kỉ niệm tuổi thơ ấu của người cháu dội về khi tình cờ bắt gặp một hình ảnh quen thuộc từng gắn bó với mình:

“ Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.”

Một ánh lửa bập bùng, thoáng ẩn thoáng hiện gợi không gian mờ ảo để dòng kí ức ùa về trong tâm trí. Hai láy từ “chờn vờn, ấp iu” không chỉ khắc họa hình ảnh bếp lửa mới được nhen lên mà khơi gợi bàn tay cần mẫn của người ba đang nâng niu, vun vén cho ngọn lửa ấy. Người cháu bộc lộ tình cảm trực tiếp khi nhớ tới bà. Nghệ thuật ẩn dụ “biết mấy nắng mưa” tượng trưng cho cả cuộc đời bà chịu thương chịu khó có cả những đắng cay, nhọc nhằn.

Thời gian trôi đi nhưng kỉ niệm còn in đậm trong lòng cháu là lúc lên bốn tuổi. Nếu tuổi thơ bao trẻ thơ vui tươi, hồn nhiên trong niềm hạnh phúc đủ đầy thì tuổi thơ cháu lại gắn liền với mùi khói. Kí ức đang buồn sống dậy một cách rõ nét khi cả nước ta trải qua nạn đói khủng khiếp:

“ Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi”

Điệp từ “đói”, từ láy “mòn mỏi” tái hiện cái đói dai dẳng, gặm nhấm dần sự sống khiến cuộc sống cứ mòn đi như rỉ ra. Hình tượng “cha đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy” đầy ám ảnh về sự tê lương trong quãng thời gian gian khổ của đất nước. Với người cháu, “quen” mùi khói nên giờ đây sống mũi còn cay. Có lẽ “cay” nơi khóe mắt, sống mũi bởi niềm xúc động đang trào dâng trong lòng.

Suốt tám năm trời sống cuàng bà nơi làng quê nghèo, âm thanh còn vang vọng mãi tới tận bây giờ chính là tiếng chim tu hú:

“ Tu hú kêu trên những cánh đồng xa

Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?

... Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Tiếng chim ngân vang những tưởng nó làm vui lên sự sống lặng thầm, buồn chán kia nhưng khoảng không “những cánh đồng xa”. Phải chăng đó chỉ là tiếng vọng từ phương trời xa xôi nào cũng hẻo lánh, hoang tàn như thế? Hơn cả, tiếng tu hú gọi lại hình dáng người bà kính yêu:

“ Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

...Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,”

Hình ảnh người bà lặp đi lặp lại trong kí ức của cháu. Cha mẹ bận công tác chưa về nên bà vừa là cha, là mẹ, vừa là thầy bảo ban, dạy dỗ cháu nên người. Những câu chuyện về cuộc kháng chiến gian ở Huế mà bà kể cũng khơi dậy lòng căm thù giặc của cháu. Lòng biết ơn bà sâu sắc khiến cháu hờn trách chú chim tu hú chẳng đến bên bà để sẻ chia những lo toan:

“ Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà?

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

Người cháu còn nhớ như in những vẻ đẹp ngời sáng trong tâm hồn bà. Đó là lòng nhẫn nại, âm thầm chịu đựng đau khổ, mất mát. Lòng vị tha cao cả của bà luôn muốn gánh chịu đau thương một mình để nơi chiến khu tiền tuyến được vững lòng nơi hậu phương. Trong hoàn nạn, lúc cơ hàn là khi tình nghĩa xóm làng, tinh thần đoàn kết của người dân mạnh mẽ nhất:

“ Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi

Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh”

Giữa hoàn cảnh khó khăn ấy, bà vẫn giữ thói quen dậy sớm và công việc nhóm bếp lửa. Điệp ngữ:

“ Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...”

Hình ảnh ẩn dụ: “ một ngọn lửa” tượng trưng cho niềm tin hi vọng mong manh về cuộc sống lúc nào cũng được bà ấp ủ, nâng niu. Niềm tin về một tương lai tươi sáng của sự đoàn tụ gia đình, sự chiến thắng dân tộc. Ngọn lửa của bà trở thành sức mạnh kì diệu:

“ Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Điệp từ “nhóm” lặp lại tới bốn lần, ánh lửa ấm áp ấy sưởi ấm tâm hồn mọi người, tình làng xóm thắt chặt hơn sự san sẻ từng củ khoai sắn, nồi xôi gạo mới do bà thổi. Còn cháu lạc quan vẫn nuôi những mơ ước bé nhỏ. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa.

Trở về với thực tại, cuộc sống trở nên đủ đầy, tiện nghi hơn với: “khói trăm tàu, lửa trăm nhà...”, số đếm ước lệ “trăm” nhấn mạnh cuộc đời tốt đẹp như niềm tin của bà ngày trước. Cuộc sống dù đổi thay thì vẫn có một điều không bao giờ thay đổi: kỉ niệm về bà bên hình ảnh bếp lửa “thiêng liêng và kì lạ”.

Qua dòng suy tưởng về thời thơ ấu gắn bó với người bà cùng hình ảnh ngọn lửa, nhà thơ Bằng Việt muốn gửi gắm tình thương yêu, lòng biết ơn bà sâu sắc và cũng là đối với quê hương, đất nước trong bài thơ “Bếp lửa”.

2. Cảm nhận bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt

Những kỉ niệm tuổi ấu thơ ai mà chẳng có. Tể Hanh có “con sông xanh biếc” với những người bạn bè bơi lội, vui đùa. Giang Nam có “thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường”. Nguyễn Duy có một sân “chơi đá, chơi vòng” của bạn bè cùng lứa, có tuổi thơ thả hồn với đồng ruộng. Bằng Việt cũng có một tuổi thơ da diết vọng về với hình ảnh người bà thân yêu. Chính tình cảm bà cháu thân thương, ấm áp đã đan dệt thành một bài thơ đầy xúc động và khơi gợi nhiều ý nghĩa. Đó là bài thơ “Bếp lửa”

Khi nhớ về quê hương, người ta thường nhớ về những kỉ niệm gắn bó với làng quê có con sông xanh biếc, cây đa, bến nước, sân đình... Nhưng dòng hồi tưởng của Bằng Việt lại bắt đầu từ hình ảnh thân thương về bếp lửa:

“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm”

Từ láy tượng hình “chờn vờn” giúp ta hình dung ánh lửa hồng khi mờ khi tỏ trong sương mai, gợi về cái mờ nhòa của kí ức theo thời gian. Người cháu xa nhà không thể nào quên được bếp lửa bình dị, thân quen. Không chỉ thấy cái “chờn vờn” của ngọn lửa mà cháu còn cảm nhận được cái hơi ấm của màu than đỏ đang “ấp iu nồng đượm”. Từ láy “ấp iu” vừa diễn tả chính xác công việc nhóm lửa vừa gợi bàn tay khéo léo, kiên nhẫn và tấm lòng chăm chút của người nhóm bếp. Tình cảm trào dậy một cách tự nhiên:

“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!”

“Nắng mưa” là hình ảnh ẩn dụ quen thuộc gợi ra bao vất vả, nhọc nhằn, thăng trầm trong cuộc đời bà để nuôi cháu khôn lớn. Chữ “thương” được dùng thật đắt qua vần thơ cảm thán đã gói trọn bao cảm xúc của cháu dành cho bà. Từ đây bà và bếp lửa là hai hình ảnh sóng đôi, đi suốt dọc bài thơ và theo cả nỗi nhớ của người cháu.

Từ bếp lửa nhớ về người nhóm lửa, ký ức đưa người cháu trở về những năm lên bốn tuổi:

*“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
 Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi,
 Bó đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy,
 Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
 Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!”*

Tuổi thơ của cháu không phải là vòm trời cổ tích cao rộng với những phép màu diệu kì của ông Bụt, bà Tiên. Tuổi thơ của cháu thật nhọc nhằn, quen mùi khói bếp nhà nghèo và có bóng đêm ghê rợn của nạn đói năm 45. Thành ngữ “đói mòn đói mỏi” diễn tả cái đói triền miên, dai dẳng, cái đói vắt kiệt sinh lực của biết bao nhiêu con người. Người bố đi đánh xe với con ngựa gầy, tất cả trong mùi khói hun đến nghẹt thở, nao lòng cả tuổi thơ. Nghĩ mà thương tuổi thơ gian khó, nghĩ mà cồn cào một nỗi nhớ thương bà. Cái cay nồng mà người cháu cảm nhận được không phải là mùi khói bếp mà đó chính là dư vị tuổi thơ ám ảnh trong tâm thức bỗng trở dậy mạnh mẽ. Năm tháng qua đi nhưng nó đã trở thành vết thương lòng đau để nguôi ngoai.

Qua những năm tháng đói mòn đói mỏi lại nhớ về kỉ niệm những năm chiến tranh “Mẹ cùng xa công tác bận không về”. Tám năm cháu ở cùng bà. Bên ánh lửa bập bùng, bà vừa là cha, là mẹ, bà dạy dỗ cháu nên người:

*“Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,
 Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”*

Sự xuất hiện của hàng loạt những động từ “dạy”, “bảo”, “chăm”, “học”, “ở”, “nghe”, “làm” diễn tả những công việc lặng thầm của bà. Mỗi cử chỉ của bà đều thấm đẫm tình yêu thương, sự cưu mang, đùm bọc cháu.

Bếp lửa còn đánh thức thêm kỉ niệm nữa của tuổi thơ, kỉ niệm với tiếng chim tu hú. Tiếng chim tu hú là âm thanh quen thuộc của làng quê mỗi độ vào hè. Tiếng chim râm ran trong vòm lá, trên cánh đồng, cứ khắc khoải kêu hoài, kêu mãi, giục giã cả một khoảng trời, khiến cho lòng người trở dậy những hoài niệm nhớ mong. Nhà thơ đang kể chuyện mà như tách hẳn ra để trò chuyện cùng bà:

*“Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
 Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.”*

Những câu chuyện đó là sự từng trải của cuộc đời bà và bà muốn nhắc nhở cháu hãy sống thật tốt, thật có ích cho cuộc đời. Tự nhiên cháu thấy thương bà quá. Cháu thương bà vất vả, lo toan, không biết ngỏ cùng ai chỉ biết tâm tình với chim tu hú mà thôi:

*“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,
 Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”*

Câu hỏi tu từ đã thể hiện được những cung bậc cảm xúc trong tâm trạng của người cháu. Như vậy hình ảnh “bếp lửa” đã đánh thức kỉ niệm tuổi thơ, ở đó lung linh hình ảnh người và có cả hình ảnh đất nước.

Hình ảnh người bà bỗng trở nên cao lớn vĩ đại khi người cháu nhớ về những năm tháng đau thương, vất vả khi giặc tàn phá xóm làng. Lời dặn “Mày có viết thư chớ kể này kể nọ. Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!” không chỉ gọi ra giọng nói hiền từ của bà, suy nghĩ của bà mà còn làm sáng lên phẩm chất của bà. Bà đã nhận về mình tất cả mất mát, khổ đau để con cháu yên tâm đánh giặc. Bà là người mẹ, người bà, người phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến. Với Bằng Việt, họ gánh cả kháng chiến lên đôi vai bé nhỏ của mình.

Từ những kỉ niệm hồi tưởng về tuổi thơ, về bà, người cháu trở về với hiện tại để suy ngẫm về cuộc đời và những lẽ sống về bà, cũng là để thương bà nhiều hơn, nhớ bà nhiều hơn:

“Rời sớm rồi chiều, lại bếp lửa bà nhen,

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn,

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...”

Từ bếp lửa bình dị thân quen ấy đã nâng lên thành ngọn lửa. Ngọn lửa không chỉ được nhen lên bằng những nguyên liệu đời thường mà còn được nhen lên từ tấm lòng bao la của bà, được bà ấp ủ, chở che nên không bao giờ vụt tắt. Điệp từ “rời” kết hợp với hai danh từ chỉ thời gian “sớm”, “chiều” khiến câu thơ vang lên như bước gõ nhịp của thời gian. “Bếp lửa” là hình ảnh tả thực còn “ngọn lửa” được chuyển hóa thành hình ảnh biểu tượng. Ngọn lửa là những kỉ niệm lòng nâng bước cháu trên chặng đường dài. Ngọn lửa là niềm tin dai dẳng, bền bỉ, bất diệt bà nhen lên trong lòng cháu. Nhờ ngọn lửa ấy mà cháu tin vào chiến thắng của dân tộc. Điệp ngữ “một ngọn lửa” cùng kết cấu song hành vừa tạo nhạc tính cho câu thơ khiến lời thơ dồn dập, tha thiết mà mạnh mẽ, xúc động, vừa khẳng định sức sống mãnh liệt, bất tận của ngọn lửa bà nhen.

Theo dòng hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu, hình ảnh người bà hiện lên lung linh, sáng đẹp, ấm áp:

“Lặn đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm,

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi,

Nhóm niềm xôi gạo mới, sẻ chung vui,

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ...”

Từ láy “lận đận” giàu giá trị gợi cảm được đảo lên đầu dòng thơ gợi ra bao vất vả, nhọc nhằn, gian truân của cuộc đời người bà. Điệp từ “nhóm” đứng ở đầu mỗi dòng thơ, nhắc đi nhắc lại bốn lần khắc ghi những ý nghĩa trong công việc nhóm lửa của bà. Mỗi sớm mai bà nhóm lên bếp lửa là nhóm lên niềm yêu thương; nhóm sự chở che, cưu mang đùm bọc giữa ngọt bùi, khoai sắn; nhóm sự sẻ chia, đoàn kết của tình làng, nghĩa xóm; nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ của cháu. Bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người truyền lửa và giữ lửa. Bà không chỉ làm công việc khởi đầu của một ngày mà còn làm công việc khởi đầu của một đời người. Từ đây cảm xúc về bà và bếp lửa dâng trào lên mãnh liệt:

“Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”

Người cháu giờ đây đã khôn lớn trưởng thành, nhưng trong sâu thẳm lòng cháu vẫn da diết một nỗi nhớ thương về bà và bếp lửa:

*“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu,
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,*

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:

- Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?...”

Nơi cháu đang sống với đầy đủ tiện nghi vật chất, khách hẳn với không gian của bà cháu nơi quê nhà, nhưng cháu luôn nhớ về bà, nhớ về ngọn lửa bà nhen. Câu hỏi tu từ ở cuối bài thơ nhắc nhở cháu không nguôi nhớ về những kỉ niệm về bà và bếp lửa.

Bài thơ đã sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. Bài thơ có sự kết hợp giữa miêu tả, biểu cảm, tự sự và bình luận, giọng điệu và thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu. Bài thơ chứa đựng một ý nghĩa thâm kín: Những gì là thân thiết nhất với tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời.

“Tác phẩm là kết tinh tâm hồn người sáng tác”. Bài thơ “Bếp lửa” đã thể hiện được tất cả tình yêu thương của Bằng Việt đối với người bà kính yêu của mình. Chính tình cảm bà cháu thiêng liêng ấm áp đã đan dệt thành một bài thơ xúc động và mang nhiều ý nghĩa.

3. Cảm nghĩ bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt

Trong cuộc đời, ai cũng có riêng cho mình những kỉ niệm của một thời ấu thơ hồn nhiên, trong sáng. Những kỉ niệm ấy là những điều thiêng liêng, thân thiết nhất, nó có sức mạnh phi thường nâng đỡ con người suốt hành trình dài và rộng của cuộc đời. Bằng Việt cũng có riêng một kỉ niệm, đó chính là những tháng năm sống bên bà, cùng bà nhóm lên cái bếp lửa thân thương. Không chỉ thế, điều in đậm trong tâm trí của Bằng Việt còn là tình cảm sâu đậm của hai bà cháu. Chúng ta có thể cảm nhận điều đó qua bài thơ Bếp lửa của ông.

*“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”*

Hình ảnh bếp lửa được khắc họa lên từ ba câu thơ đầu qua điệp ngữ "một bếp lửa" và từ láy "chờn vờn" khiến ta có thể hình dung ra được một khung cảnh đơn sơ, giản dị nhưng ấm áp, đầy ấp tình cảm. Ngọn lửa từ bếp ấp ôm bao niềm nhung nhớ về bà, chứa đựng biết bao kỉ niệm của người cháu nhỏ và bà. Người bà ân cần nhóm nhen ngọn lửa tình cảm ấy, cũng giống như đôi tay bà chăm sóc cho cháu nhẹ nhàng quan tâm, hình ảnh người bà như làn khói từ bếp vào mỗi buổi sớm mai, hình ảnh khổ cực chăm nuôi của bà dãi dầu mưa nắng càng thấp lên trong lòng người cháu rõ rệt vết hằn nỗi nhớ. Từ hai câu đầu qua hình ảnh bếp lửa mỗi sáng đã được tác giả khắc họa lên một bếp lửa chan chứa kỉ niệm, một bếp lửa đầy ấp tình yêu, một bếp lửa sáng rực lên hình ảnh bà. Đến câu tiếp theo bao nhiêu nỗi niềm như phút chốc vỡ òa "cháu thương bà biết mấy nắng mưa", tác giả đau lòng, xót xa trước nỗi nhớ về hình ảnh bà dù mưa dù nắng nhưng vẫn lo cho cháu đầy đủ từng cái ăn cái mặc, gian truân cuộc đời bà vì cháu mà trải qua không một lời nói, bà âm thầm vì cháu mà làm mọi việc, đều là những hy sinh thầm lặng từ người bà kính yêu. Từ đây ta thấy rằng trong trái tim tác giả hình ảnh người bà thiêng liêng biết là bao, có cả một vùng trời thương nhớ về người bà, một câu "cháu thương bà" cũng sẽ đọng lại trong ta một ý nghĩa sâu sắc.

*"Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mòi
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay"*

Ở đoạn này, kỉ niệm không phải là hình ảnh nhẹ nhàng như "chờn vờn sương sớm" hay "áp iu nồng đượm" mà là những kỉ niệm ám ảnh trong tâm trí tác giả, đứa cháu bốn tuổi cùng bà cơ cực trải qua nạn đói năm 1945. Không khí u ám, làm than của nạn đói nhờ có người bà kính yêu đã được xoa dịu đi phần nào, bà tảo tần sớm hôm mót từng củ khoai, đào từng củ sắn để cháu ăn đỡ đói. Thành ngữ "đói mòn đói mòi" nghe như tiếng kêu xé lòng, nỗi ám ảnh của một đứa trẻ hằn sâu trong tâm trí là nỗi sợ hãi. Không như bao người khi nghĩ về tuổi thơ của mình là mảng màu hồng, thì với tác giả đó lại là mảng màu xám pha cả màu đỏ của máu từ những nỗi đau của đói khổ, cái đói ghê rợn, cái đói lịch sử đã làm chết hơn hai triệu con người. Nhưng có bà luôn bên cạnh che chở, có khói bếp làm nhà đi phần nào đau thương từ nạn đói, kỉ niệm vẫn mang chút hơi ấm, làm quên đi nỗi khốn khổ. Chi tiết "khói hun nhèm mắt cháu" để thấy được đứa trẻ bốn tuổi ấy cố lấp đi những ám ảnh của việc đói mòn đói mòi bằng khói bếp của bà, và chi tiết "sống mũi còn cay" cay do mùi khói nghi ngút ấy đang cố che giấu đi mùi máu tanh ở các ngõ ngách, cay vì đứa trẻ ấy đã phải chịu cảnh "đói mòn đói mòi" đang dần len lỏi vào từng mảng kí ức thơ ngây, mang theo nỗi đáng sợ của nạn đói, mang theo cả cảm giác thèm từng củ khoai, củ sắn, khi ấy những món ăn đơn sơ cũng trở thành "mỹ vị nhân gian".

*"Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế"*

"Tám năm ròng" khoảng thời gian dài đằng đẳng cháu cùng bà vẫn luôn nhóm lên ngọn lửa yêu thương, nồng ấm, ngọn lửa của sự sống, khoảng thời gian đó đầy trải qua khó khăn nhọc nhằn nhưng chỉ cần có bà vẫn thật bình yên. Tuổi thơ người cháu gắn với bà với bếp lửa yêu thương, gắn với cả tiếng tu hú kêu trên những cánh đồng, như thúc giục người nông dân mau ra ruộng thu hoạch thoát khỏi sự đói khát. Bên cạnh đó, khi tiếng tu hú kêu cũng như một tiếng chuông báo rằng: "Bà ơi! Bà kể chuyện cháu nghe." Từ "tu hú" được lặp lại ba lần như khẳng định nỗi nhớ của tác giả vì trong văn học nghệ thuật, tiếng chim tu hú là biểu tượng của một sự khắc khoải nhớ nhung da diết khôn nguôi. Tiếng tu hú trở thành một khoảng trời kỉ niệm nhẹ nhàng đậm tình yêu thương giữa tác giả và bà.

*"Mẹ cùng cha công tác bận không về,
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?"*

Bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt là một bài thơ dạt dào cảm xúc. Hình tượng bếp lửa được thể hiện độc đáo qua giọng điệu tâm tình, thiết tha; nhịp điệu thơ linh hoạt; kết hợp với lối trùng điệp được sử dụng biến hóa, khiến cho lời thơ với hình ảnh bếp lửa cứ tràn ra, dâng lên, mỗi lúc thêm nồng nàn, ấm nóng. Từ đó, khiến cho người đọc cảm thấy thật thấm thía, xúc động trước nỗi nhớ nhung da diết về những kỉ niệm ấu thơ của người cháu và cả tấm chân tình của nhà thơ đối với người bà kính yêu. Qua đó, chúng ta càng cảm thấy yêu, càng cảm thấy trân trọng hơn tình cảm đối với gia đình, với quê hương, đất nước. Từ đó, ta mới thấm thía hết được lời bài hát của nhạc sĩ Trung Quân, thật ý nghĩa biết chừng nào:

*Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người...*